

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2393/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 10/12/2021  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hương.
2. Ông Chu Mạnh Tường.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Bá Thu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1186/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4700/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5330/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/11/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1976 (Xin vắng mặt)

Thường trú: Số A Ngách B phố C, phường D, quận F, Thành phố Hà Nội.

Tạm trú: Số G đường số H, khu phố I, phường K, thành phố L, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Ông Võ Kỳ P, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Thường trú: Số G đường số H, khu phố I, phường K, thành phố L, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Võ Kỳ P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 13/4/2000.

Thời gian đầu sau kết hôn, vợ chồng bà sống rất hạnh phúc. Từ năm 2015 cho đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông P không chăm lo đến cuộc sống gia đình, sống không chung thủy, đã có con với người phụ nữ khác. Điều này chính ông P đã thừa nhận nhưng vì nghĩ đến các con nên bà đã bỏ qua. Tuy nhiên, bản tính của ông P vẫn không thay đổi và ngày càng vượt quá sự nhẫn nhịn và lòng vị tha của bà. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn ông P.

Về con chung: Bà và ông Võ Kỳ P có 03 người con chung, trong đó có 02 người con đã thành niên tên Võ Minh T, sinh ngày 22/4/2000; Võ Minh H, sinh ngày 10/6/2001 và 01 người con chưa thành niên tên Võ Minh A, sinh ngày 27/3/2010. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Võ Minh A, yêu cầu ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về nợ chung: Không có.

\* Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Võ Kỳ P trình bày:

Ông xác nhận thời gian qua ông sống không chung thủy nhưng bản thân vẫn còn tình cảm với bà T và không muốn ly hôn. Ông đề nghị Tòa án cho ông thêm thời gian để suy nghĩ lại toàn bộ những việc bản thân đã gây ra cho gia đình và thuyết phục vợ hàn gắn lại tình cảm.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Ngoài việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được ly hôn ông Võ Kỳ P; giao giao con chung tên Võ Minh A, sinh ngày 27/3/2010 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; buộc ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên tòa cùng lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn. Bị đơn ông Võ Kỳ P có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều a Khoản 1 Điều 35 và Điều a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Võ Kỳ P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Kỳ P.

Bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin vắng mặt, không tham gia phiên tòa. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Võ Kỳ P tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2000 ngày 13/4/2000. Do đó, căn cứ Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc được ly hôn ông Võ Kỳ P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự có thể khẳng định mâu thuẫn gia đình của ông P và bà T đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn là do ông P sống không chung thủy, vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được ly hôn ông Võ Kỳ P.

2. Về con chung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cùng lời khai của đương sự thể hiện ông P và bà T có 03 người con, trong đó có 02 người con đã thành niên tên Võ Minh T, sinh ngày 22/4/2000; Võ Minh H, sinh ngày 10/6/2001 và 01 người con chưa thành niên tên Võ Minh A, sinh ngày 27/3/2010. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi người con chưa thành niên.

Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét nguyện vọng và phải đảm bảo sự phát triển tốt mọi mặt của con chưa thành niên. Tại bản tự khai, trẻ Võ Minh A trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử căn cứ chấp nhận việc giao trẻ Võ Minh A cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tổng đạt thông báo đề ngày 20/5/2021 về việc yêu cầu các đương sự cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập, khả năng thực tế về kinh tế của cá nhân để có cơ sở xem xét việc giao con cho ai nuôi và mức cấp dưỡng nuôi con

nhưng Toà án đã không nhận được bất kỳ tài liệu, chứng cứ hay ý kiến của ông P liên quan đến vấn đề này. Để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề tài sản chung.

5. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng. Ông Võ Kỳ P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Võ Kỳ P.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Võ Minh A, sinh ngày 27/3/2010 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Kỳ P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Việc cấp dưỡng nuôi con thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Võ Minh A, sinh ngày 27/3/2010 đủ 18 tuổi.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Kỳ P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề nợ chung.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0058226 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thanh T đã thi hành xong nghĩa vụ đóng án phí.

Ông Võ Kỳ P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Võ Kỳ P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

### Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Minh**





**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

































